

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/DS-PT
Ngày 10-3-2025
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
yêu cầu di dời tài sản trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí

Ông Phùng Đức Chính

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**
Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024, về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2025 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 06/2025/TB-TDS ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị T; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Đào Thị M; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Đỗ Quỳnh R; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đào Thị M (mẹ đẻ); địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị T, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Đỗ Văn H và cụ Lê Thị O (đều đã chết) có 06 người con, trong đó có ông Đỗ Văn L (đã chết) và bà Đỗ Thị T.

Ông Đỗ Văn L có vợ là Đào Thị M.

Về đất tranh chấp:

- Đất tranh chấp có diện tích 123m² thuộc thửa 59 tờ bản đồ số 42, địa chỉ tại thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Mục đích sử dụng: Đất lúa.

- Đất tranh chấp có diện tích 433m² thuộc thửa 95 tờ bản đồ số 42, địa chỉ tại thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm.

- Đất tranh chấp có diện tích 560m² thuộc thửa 73 tờ bản đồ số 42, địa chỉ tại thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Mục đích sử dụng: Đất lúa.

Các diện tích đất tranh chấp ở trên đều được cấp GCNQSDĐ mang tên Đào Thị M và Đỗ Quỳnh R.

Tài sản trên đất gồm có:

- Thửa 59 tờ bản đồ số 42: 123m² lúa mùa vụ, có giá 922.500đ;
- Thửa 95 tờ bản đồ số 42: 150 khóm sắn, có giá 440.000đ;
- Thửa 73 tờ bản đồ số 42: 560m² lúa vụ màu, có giá 4.200.000đ.

Tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày: Nguồn gốc 03 thửa đất tranh chấp là của nguyên đơn được Hợp tác xã thôn U (nay là thôn T), xã N chia đất theo “*Khoán 10*” vào năm 1984. Nguyên đơn trong độ tuổi lao động (hơn 16 tuổi) nên được chia 01 suất gồm 03 thửa đất (nay là thửa 95, 73, 59 cùng tờ bản đồ số 42, bà Lê Thị O và ông Đỗ Xuân C cũng được chia đất nhưng nằm ở vị trí khác) và quản lý, sử dụng từ năm 1984 đến năm 2005.

Năm 2003, để tạo điều kiện cho ông Đỗ Xuân A có điều kiện vay vốn Ngân hàng nên toàn thể gia đình (bà Lê Thị O khi đó vẫn là chủ hộ) đã thống nhất để ông Đỗ Xuân A đi kê khai làm thủ tục đứng tên toàn bộ các thửa đất của hộ gia đình trên GCNQSDĐ.

Năm 2005 thấy hoàn cảnh gia đình ông Đỗ Xuân A khó khăn nguyên đơn đã cho gia đình ông A mượn 03 thửa đất để canh tác nhờ, khi cho mượn chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập văn bản.

Năm 2010, sau khi ông Đỗ Xuân A chết, nguyên đơn có sang đòi lại đất nhưng bị đơn không đồng ý. Năm 2021, bà Lê Thị O có nói về việc giao trả lại đất ngày trước, đất của ai thì trả lại cho người đó nhưng bà Đào Thị M không đồng ý, vì cho rằng đất đứng tên chồng bà. Ngày 06/8/2023, bà Đào Thị M đã làm thủ tục và được cấp GCNQSDĐ đồng sở hữu với con gái là Đỗ Quỳnh R.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng thửa đất số 95 diện tích 433m², thửa đất số 73 diện tích 560m² và thửa đất số 59 diện tích 133m² đã cho mượn trước đó và yêu cầu bị đơn di dời các tài sản trên đất.

Sau khi Toà tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không đề nghị giải quyết liên quan đến các diện tích đất làm lối đi chung, làm đường và phần nằm ngoài phía tường bao do các hộ gia đình bà Nguyễn Thị I, nhà ông Phùng Văn U xây dựng lấn sang (gồm các thửa tạm ký hiệu tại mảnh trích đo là số 59.2, thửa tạm số 95.2, thửa tạm số 95.3; thửa tạm số 73.2).

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất 119,2m² thuộc thửa tạm 59.1; diện tích đất 555,9 m² thuộc thửa tạm 73.1; diện tích 420,9m² thuộc thửa tạm 95.1 và yêu cầu bà Đào Thị M di dời toàn bộ các tài sản trên đất tranh chấp (gồm cây lúa, cây sắn theo Biên bản xem xét thẩm định) để trả lại nguyên trạng đất trống.

Bị đơn bà Đào Thị M trình bày: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguồn gốc đất tranh chấp: Đất của mẹ chồng bị đơn cho vợ chồng bị đơn quản lý, sử dụng, canh tác toàn bộ diện tích đất ruộng, bãi của gia đình với điều kiện hai vợ chồng bị đơn phải sống cùng và chăm sóc bà Lê Thị O cho đến cuối đời.

Năm 2003, chồng bị đơn đi làm thủ tục kê khai cấp GCNQSDĐ toàn bộ các thửa đất được bà Lê Thị O giao cho quản lý, sử dụng; việc đi kê khai cấp GCNQSDĐ này bà Lê Thị O và các anh chị em gia đình chồng đều đồng ý, không có ý kiến gì phản đối.

Năm 2010, sau khi ông Đỗ Xuân A chết, bị đơn vẫn sống cùng bà Lê Thị O, chăm sóc, phụng dưỡng mẹ chồng. Năm 2022, bà Lê Thị O tuổi cao sức yếu nên đã bảo bị đơn lấy một suất đất của bà Lê Thị O để lại cho con trai út là ông Đỗ Xuân C, số đất còn lại chia cho hai mẹ con bị đơn. Bị đơn đã yêu cầu Văn phòng Công chứng B làm Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 10/6/2022; do bà Lê Thị O không đi lại được nên Công chứng viên đã đến tận nhà làm các thủ tục tự nguyện từ chối nhận thừa kế toàn bộ các thửa đất của ông Đỗ Xuân A để lại và tặng cho bị đơn cùng cháu gái là Đỗ Quỳnh R trước sự chứng kiến của của ông Đỗ Văn P (anh rể), chị Đỗ Thị K và anh Hoàng Hồng S (Công an viên).

Sau khi thực hiện xong thủ tục chia di sản thừa kế, theo nguyện vọng của bà Lê Thị O, bị đơn đã đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục để tách thửa đất cho ông Đỗ Xuân C. Việc tách thửa do cán bộ địa chính thực hiện giúp vì bị đơn không biết chữ, sau khi tách đất cho ông Đỗ Xuân C xong đến tháng 02/2023 những thửa đất còn lại bị đơn và chị Đỗ Quỳnh R đã được cấp GCNQSDĐ .

Đối với các diện tích đất tuy đã được cấp GCNQSDĐ cho bị đơn, nhưng trên thực tế đã tự nguyện hiến đất làm đường và đất nằm ngoài ranh giới (tường

bao) rõ ràng với hộ gia đình bà Nguyễn Thị I và ông Phùng Văn U nên các phần đất này bị đơn không yêu cầu được quản lý, sử dụng và sẽ tự đi điều chỉnh phù hợp với hiện trạng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Quỳnh R trình bày: Đồng nhất với ý kiến của bà Đào Thị M, không bổ sung gì thêm.

UBND xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn: Hiện không còn lưu trữ hồ sơ, tài liệu hay giấy tờ liên quan đến hợp tác xã U cũng như tài liệu về việc giao khoán, chia đất của hợp tác xã cho các hộ dân trên địa bàn.

Xác minh với ông Phùng Văn Y (là Chủ nhiệm hợp tác xã từ năm 1969 đến khoảng năm 1986), ông Phùng Văn X (là Trưởng ban kiểm tra hợp tác xã từ năm 1977 đến khi giải thể): Hợp tác xã chỉ quản lý đất đai liên quan đến ruộng lúa nước, còn đất bãi, đất vườn của các hộ dân là do tự khai phá, hợp tác xã không quản lý nên khi giao, khoán đất chỉ chia đất ruộng lúa nước, không chia đất vườn, bãi. Khi giao đất thì giao theo phương thức khoán, chỉ giao cho hộ gia đình, sau đó hộ gia đình tự tiến hành chia đất cho các thành viên theo nhu cầu sản xuất, Hợp tác xã không can thiệp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 21-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử, giải quyết do nguyên đơn bà Đỗ Thị T tự nguyện rút một phần yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng các diện tích đất tranh chấp, gồm:

- Phần diện tích 3,8m² đất trồng lúa – 1L (ký hiệu trên trích đo là thửa tạm số 59.2 có vị trí đỉnh thửa A1, A2, B2, B1) thuộc một phần thửa số 59 tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Phần diện tích 4,1m² đất trồng lúa – 2L (ký hiệu trên trích đo là thửa tạm số 73.2 có vị trí đỉnh thửa B5, A31, A30, A29, A28, A27, A26) thuộc một phần thửa số 73 tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Phần diện tích 8,5m² đất trồng cây hàng năm – ĐM (ký hiệu trên trích đo là thửa tạm số 95.2 có vị trí đỉnh thửa B3, B4, A8, A7, A23, B9) thuộc một phần thửa số 95 tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Phần diện tích 3,6m² đất trồng cây hàng năm – ĐM (ký hiệu trên trích đo là thửa tạm số 95.3 có vị trí đỉnh thửa A17, B6, B7, B8, A19, A18) thuộc một phần thửa số 95 tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Các diện tích đất có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ:

- *Về quyền khởi kiện:* Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về án phí:* Người khởi kiện không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút, không yêu cầu giải quyết.

2. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị T, đối với:

2.1. Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đối với các diện tích đất tranh chấp, gồm:

- Phần diện tích 119,2m² đất trồng lúa –1L (ký hiệu trên trích đo là thửa tạm số 59.1 có vị trí đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, A5, A6) thuộc một phần thửa số 59 tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Phần diện tích 555,9m² đất trồng lúa – 2L (ký hiệu trên trích đo là thửa tạm số 73.1 có vị trí đỉnh thửa A8, A24, A25, A26, A27, A28, A29, A30, A31, A32, A33, A34, A35, A12, A11, A10, A9) thuộc một phần thửa số 73 tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Phần diện tích 420,9m² đất trồng cây hàng năm – ĐM (ký hiệu trên trích đo là thửa tạm số 95.1 có vị trí đỉnh thửa A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13, A14, A15, A16, A17, A18, A19, A20, A21, A22, A23) thuộc một phần thửa số 95 tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Yêu cầu di dời tài sản trên các diện tích đất tranh chấp tại mục 2.1 nêu trên của quyết định bản án (cây Lúa, cây Sắn).

Các diện tích đất và tài sản trên đất có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Buộc bà Đỗ Thị T chấm dứt hành vi tranh chấp, vi phạm quyền của người quản lý sử dụng đất đối với các diện tích đất tranh chấp.

(Chi tiết cụ thể kích thước, chiều dài cạnh, các thông số kỹ thuật, tài sản trên đất tại mục 1+2 của phần quyết định bản án có “Trích đo khu đất tranh chấp” số TĐ29-2024 đo vẽ ngày 31/7/2024 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn kèm theo bản án).

3. Chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, trích đo bản đồ và định giá tài sản số tiền 16.433.000đ (mười sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng); xác nhận bà Đỗ Thị T đã thi hành xong theo các bảng kê chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản ngày 31/7/2024 và phiếu thu, biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm và thanh lý hợp đồng ngày 09/8/2024 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn bà Đỗ Thị T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 21-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Bà Đỗ Thị T được quyền quản lý, sử dụng: Phần diện tích 119,2m² đất trồng lúa –1L thuộc một phần thửa số 59 tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã N,

huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Phần diện tích 555,9m² đất trồng lúa – 2L thuộc một phần thửa số 73 tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Phần diện tích 420,9m² đất trồng cây hàng năm – ĐM thuộc một phần thửa số 95 tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 176755 đến DL 176758 cùng ngày 27/02/2023 của bà Đào Thị M và chị Đỗ Quỳnh R.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị đơn bà Đào Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Quỳnh R không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà Đỗ Thị T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên bản án sơ thẩm còn có vi phạm như sau: Nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày **thay đổi một phần** yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc các thửa đất: Diện tích 119,2m² thuộc thửa số 59; diện tích 555,9m² thuộc thửa 73; diện tích 420,9m² thuộc thửa đất số 95 cùng tờ bản đồ số 42. Đối với diện tích đã hiến làm lối đi chung, làm đường gồm: 3,8m² thửa 59; diện tích 8.5m² thửa đất số 95 cùng tờ bản đồ số 42 nguyên đơn **không yêu cầu** quản lý sử dụng mà giữ nguyên hiện trạng làm đường đi chung. Tuy nhiên phần QUYẾT ĐỊNH của bản án sơ thẩm tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất trên và tuyên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự theo quy định của pháp luật là không phù hợp, cần thiết phải sửa Bản án sơ thẩm đối với nội dung trên.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị M, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo hướng phân tích nêu trên. Bà Đỗ Thị T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng:

[2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Bà Đỗ Thị T cho rằng, nguồn gốc đất là do Hợp tác xã (HTX) chia từ năm 1983 - 1984 thời điểm HTX chia đất bà sống cùng mẹ là Lê Thị O, em trai Đỗ Xuân C nên được chia 01 xuất đất, ông Đỗ Văn L và chồng bà Lê Thị M không được chia đất do là giáo viên, khi HTX giải thể bà tiếp tục sử dụng, nhưng nguyên đơn cho rằng đất được HTX chia nhưng không cung cấp được tài liệu về việc 01 xuất đất được HTX chia là những thửa đất nào, diện tích cụ thể phần đất được HTX chia. Đồng thời, theo kết quả xác minh tại UBND xã N, có nội dung: Không có tài liệu, hồ sơ hay giấy tờ liên quan đến HTX thôn U xã N cũng như tài liệu thể hiện việc giao khoán, chia đất của HTX cho các hộ dân trên địa bàn. Hợp tác xã chỉ quản lý đất đai liên quan đến ruộng lúa nước, còn đối với đất bãi, đất vườn do các hộ dân tự do khai phá, HTX không quản lý nên khi giao, khoán đất chỉ chia đất ruộng lúa nước chứ không chia đất vườn bãi. Trong trường hợp nếu đúng là đất HTX giao khoán cho thì cũng không phải giao cho bà Đỗ Thị T mà giao cho cụ Lê Thị O là chủ hộ. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định thửa 59 và thửa 73 là đất trồng lúa; thửa 95 là đất trồng cây hàng năm khác. Do đó, xác định không có tài liệu quản lý Nhà nước thể hiện đất tranh chấp có nguồn gốc do HTX chia đất cho hộ gia đình cụ Lê Thị O và đất tranh chấp là đất trồng cây hàng năm khác, không phải đối tượng chia đất của HTX như bà Đỗ Thị T trình bày.

[3] Về quá trình quản lý, sử dụng tranh chấp: Bà Đỗ Thị T cho rằng bà quản lý, sử dụng từ khi được chia đất năm 1984 đến năm 2005. Năm 2005 bà đồng ý cho gia đình ông Đỗ Xuân A và bà Đào Thị M mượn đất để canh tác, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh việc cho bị đơn mượn đất. Mặt khác, theo tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện năm 2003 ông Đỗ Xuân A kê khai cấp GCNQSDĐ trong đó có các thửa 59, 95, 73 đang tranh chấp, ông Phùng Văn T1 (chồng nguyên đơn) cũng xin cấp GCNQSDĐ cùng thời điểm, trong số các thửa đất chồng nguyên đơn kê khai xin cấp GCNQSDĐ không có các thửa đất đang tranh chấp, khi cấp GCNQSDĐ không có khiếu nại khiếu kiện, thời điểm cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông A, nguyên đơn không là thành viên trong hộ.

[4] Ngoài ra, theo hồ sơ khai nhận di sản thừa kế, di sản của ông Đỗ Xuân A đối với các thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ tên ông Đỗ Xuân A theo pháp luật, theo đó cụ Lê Thị O, bà Đào Thị M, chị Đỗ Ngọc A1, chị Đỗ Quỳnh R là những người thừa kế hàng thứ nhất hợp pháp của ông Đỗ Xuân A, là di sản thừa kế của ông A, các thửa đất được cấp chung cho hộ ông Đỗ Xuân A thời điểm cấp GCNQSDĐ nguyên đơn đã đi lấy chồng, không có tên trong hộ gia đình, những người được hưởng quyền sử dụng đất chung trong hộ gia đình đã tặng cho quyền sử dụng đất hợp pháp. Do đó, xác định các thửa đất 59, 95, 73 đều đã được định đoạt bởi văn bản nhận thừa kế, tặng cho quyền thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất chung trong hộ gia đình cụ Lê Thị O, văn bản đã được niêm yết tại trụ sở UBND xã N, huyện H, trong thời gian niêm yết không có khiếu nại, việc phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng chung trong hộ gia đình là hợp pháp, các GCNQSDĐ bà Đào Thị M, chị Đỗ Quỳnh R được cấp đối

với các thửa 59, 95, 73 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đã đưa ra. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận vì không có căn cứ pháp luật.

[6] Tuy nhiên bản án dân sự sơ thẩm còn có vi phạm như sau: Nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc các thửa đất: Diện tích 119,2m² thuộc thửa số 59; diện tích 555,9m² thuộc thửa 73; diện tích 420,9m² thuộc thửa đất số 95 cùng tờ bản đồ số 42. Đối với diện tích đã hiến làm lối đi chung, làm đường gồm: 3,8m² thửa 59; diện tích 8.5m² thửa đất số 95 cùng tờ bản đồ số 42 nguyên đơn không yêu cầu quản lý sử dụng mà giữ nguyên hiện trạng làm đường đi chung. Tuy nhiên phần QUYẾT ĐỊNH của bản án sơ thẩm tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất trên và tuyên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự theo quy định của pháp luật là không phù hợp, cần thiết phải sửa Bản án sơ thẩm đối với nội dung trên. Cấp phúc thẩm sẽ sửa nội dung này.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên người kháng cáo bà Đỗ Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

1. Không chấp kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị T, đối với:

1.1. Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đối với các diện tích đất tranh chấp, gồm:

- Phần diện tích 119,2m² đất trồng lúa – 1L (ký hiệu trên trích đo là thửa tạm số 59.1 có vị trí đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, A5, A6) thuộc một phần thửa số 59 tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Phần diện tích 555,9m² đất trồng lúa – 2L (ký hiệu trên trích đo là thửa tạm số 73.1 có vị trí đỉnh thửa A8, A24, A25, A26, A27, A28, A29, A30, A31,

A32, A33, A34, A35, A12, A11, A10, A9) thuộc một phần thửa số 73 tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Phần diện tích 420,9m² đất trồng cây hàng năm – ĐM (ký hiệu trên trích đo là thửa tạm số 95.1 có vị trí đỉnh thửa A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13, A14, A15, A16, A17, A18, A19, A20, A21, A22, A23) thuộc một phần thửa số 95 tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Yêu cầu di dời tài sản trên các diện tích đất tranh chấp tại mục 1.1 nêu trên của quyết định bản án (cây Lúa, cây Sắn).

Các diện tích đất và tài sản trên đất có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Buộc bà Đỗ Thị T chấm dứt hành vi tranh chấp, vi phạm quyền của người quản lý sử dụng đất đối với các diện tích đất tranh chấp.

(Chi tiết cụ thể kích thước, chiều dài cạnh, các thông số kỹ thuật, tài sản trên đất tại mục 1+2 của phần quyết định bản án có “Trích đo khu đất tranh chấp” số TĐ29-2024 đo vẽ ngày 31/7/2024 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường S nhánh Lạng Sơn kèm theo bản án).

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, trích đo bản đồ và định giá tài sản số tiền 16.433.000 đồng (mười sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng); xác nhận bà Đỗ Thị T đã thi hành xong.

3. Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước; xác nhận bà Đỗ Thị T đã thi hành xong theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0004721 ngày 04/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. H, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
-
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lộc Sơn Thái